TOÀ ÁN N DÂN **TỈNH SƠN LA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2019/DS-PT
Ngày 19 tháng 4 năm 2019
V/v *tranh chấp quyền sử dụng đất.*

N DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN N DÂN TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Tuấn Minh

Các Thẩm phán: Bà Vì Thị Sơn, bà Tòng Thị Hiền

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thu Phương - Thư ký Tòa án N dân tỉnh Sơn La;

- Đại diện Viện kiểm sát N dân tỉnh Sơn La tham gia phiên toà*:* Bà Phạm Minh Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 04 năm 2019, tại trụ sở Tòa án N dân tỉnh Sơn La xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 18/2019/DS-PT ngày 11 tháng 01 năm 2019 về tranh chấp quyền sử dụng đất.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 20/2018/DS-ST ngày 26 tháng 11 năm 2018 của Tòa án N dân huyện M bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2019/QĐ-PT ngày 07 tháng 03 năm 2019; giữa các Đ sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Lê Văn N, sinh năm 1962. Địa chỉ: Tiểu khu Nà Sản, xã L, huyện M, tỉnh Sơn La. Có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Lê Đăng Đ, sinh năm 1969 và bà Nguyễn Thị G, sinh năm 1970. Địa chỉ: Tiểu khu Nà Sản, xã L, huyện M, tỉnh Sơn La. Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1956. Đại chỉ: Tiểu khu 10, thị trấn Hát Lót, huyên M, tỉnh Sơn La. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 17/6/2014 và các lời khai trong quá trình giải quyết và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn ông Lê Văn N trình bày như sau:

Bố mẹ ông có diện tích đất 5.915m^2 đất gồm 200m^2 đất thổ cư thuộc thửa số 51(6) và 5.715m^2 đất vườn thuộc thửa số 51, tờ bản đồ F48-101-(147-3) tại Đội Nà Sản (nay là Tiểu khu Nà Sản), xã L, huyện M, tỉnh Sơn La. Đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Lê Văn Niệm do Ủy ban N dân huyện M cấp ngày 06/3/2000 (theo Quyết định số 102/QĐ-UB).

Bố mẹ ông đã chuyển nhượng 307,5m^{2}với chiều rộng là 05m và chiều dài là 61,5m tại thửa số 51, tờ bản đồ F48-101-(147-3) cho ông Đặng Công Lại. Sau khi chuyển nhượng, ông Lại đã làm thủ tục tách bìa và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 359753 mang tên Đặng Công Lại do Ủy ban N dân huyện M cấp ngày 31/5/2005 (theo Quyết định số 490/QĐ-UB). Sau đó, ông Đặng Công Lại đã chuyển nhượng toàn bộ diện tích đất trên cho bà Nguyễn Thị X. Ngày 31/10/2006, bà X tiếp tục chuyển nhượng diện toàn bộ diện tích đất trên cho ông Lê Đăng Đ và bà Nguyễn Thị G.

Năm 2002 ông Niệm chết, không để lại di chúc. Gia đình đã tiến hành họp gia đình và thống nhất: Ông Lê Văn N là con trai trưởng duy nhất trong gia đình được thừa kế toàn bộ bìa đất số 0898762 mang tên ông Lê Văn Niệm, cấp ngày 06/3/2000. Ông cho rằng diện tích đất gia đình ông đã chuyển nhượng và hiện gia đình ông bà Đ G nhận chuyển nhượng lại đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Đặng Công Lại với chiều rộng là 05m mặt đường quốc lộ 6 và sâu 61,5m đến mép bậc thang thứ nhất của đất. Trong quá trình gia đình ông bà Đ G xây dựng kho, hai bên đã thống nhất ranh giới đất giữa hai gia đình là vị trí cách tường kho là 01m. Tuy nhiên, trong quá trình sử dụng đất, ông bà Đ G đã đục tường vứt gạch vữa sang phần đất của gia đình ông. Vì vậy, ông đã nhờ chính quyền địa phương giải quyết. Trong thời điểm giải quyết tranh chấp, gia đình ông bà Đ G đã đổ cọc, căng lưới thép lấn chiếm diện diện tích đất là 110m^2 với chiều rộng là 10m, chiều dài là 11m và chặt khoảng 25 cây cà phê, một cây xoài và một số cây chuối.

Vì vậy, ông khởi kiện ông Lê Đăng Đ và bà Nguyễn Thị G, đề nghị Tòa án buộc ông bà Đ G phải trả lại diện tích lấn chiếm 110m2, chiều rộng là 10m, chiều dài 11m tại Tiểu khu Nà Sản, xã L, huyện M. Đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng mang tên Lê Văn Niệm do UBND huyện M cấp năm 2000. Ngoài ra, đề nghị ông bà Đ G phải bồi thường thiệt hại cho ông do chặt cây cối trên đất là 4.000.000 đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông N đề nghị Tòa án căn cứ vào giấy chứng nhận quyền sử dung đất mang tên ông Đặng Công Lại, buộc bị đơn phải trả lại diện tích đất lấn chiếm.

Theo các lời khai trong quá trình giải quyết và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, bị đơn ông Lê Đăng Đ và bà Nguyễn Thị G trình bày:

Ngày 31/10/2006, gia đình ông bà nhận chuyển nhượng đất của bà Nguyễn Thị X một mảnh đất mang tên ông Đặng Công Lại, số bìa AG 359753 cấp ngày 31/5/2005, thỏa thuận với chiều dài đường quốc lộ 6 là 5m, dài sâu vào tính theo bìa là 61m (thực tế theo mảnh đất là 72m dài). Việc chuyển nhượng có sự chứng kiến của ông Lê Văn N và đã có cắm mốc khi bàn giao đất với sự chứng kiến của tất cả các bên, tuy nhiên chưa làm hàng rào làm ranh giới thửa đất. Gia đình bà đã thanh toán đủ tiền cho bà Nguyễn Thị X là 12.500.000 đồng/m mặt đường, dài 72m sau khi đã trừ hành lang giao thông đường quốc lộ 6 là 21m, tổng số tiền là 62.500.000 đồng. Sau khi nhận chuyển nhượng, gia đình đã sử dụng ổn định đến năm 2013 thì phát sinh tranh chấp do ông N cho

rằng gia đình ông bà lấn chiếm đất. Trong quá trình sử dụng đất, gia đình ông bà đã làm nhà và xây dựng nhà kho, tuy nhiên chưa xây dựng hết đất, còn để lại 11m phía sau. Gia đình ông N vẫn tiếp tục trồng cà phê và trồng hoa màu trên đất 11m này của ông bà nhưng vì tình cảm làng xóm nên ông bà không có ý kiến gì, tiếp tục cho ông N thu hoạch hoa màu trên phần đất này. Đến năm 2013, gia đình làm hàng rào phần đất 11m còn lại của gia đình thì ông N có đơn đề nghị đến Ủy ban N dân xã L và cho rằng gia đình ông bà lấn chiếm đất.

Ông bà cho rằng đã nhận chuyển nhượng và thanh toán đủ tiền đối với diện tích đất 05m chiều rộng và chiều dài là 72m (trừ tim đường quốc lộ 6 là 21m). Việc ông N cho rằng có việc thống nhất ranh giới khi gia đình ông bà làm kho là không đúng và cũng không có căn cứ việc thỏa thuận này. Vì vậy, ông bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông N về đòi đất và bồi thường thiệt hại.

Theo các lời khai trong quá trình giải quyết và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị X trình bày:

Bà X xác nhận có chuyển nhượng một thửa đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Đặng Công Lại cho ông bà Đ G, hai bên có làm giấy tờ viết tay xác nhận chuyển nhượng 61m dài theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và 72m dài thực tế. Thời điểm chuyển nhượng, thửa đất không bằng phẳng, có bụi tre ở sát đường quốc lộ 6 cũ. Nguồn gốc thửa đất là do bà nhận chuyển nhượng của ông Đặng Công Lại và không có tranh chấp. Bà xác nhận chuyển nhượng 72m thực tế được tính từ mép đường quốc lộ 6 cũ đến mép bậc thang thứ nhất, gồm cả phần đất hàng lang giao thông và bụi tre. Ngoài ra, bà cho rằng ranh giới thửa đất khi bà nhận chuyển nhượng của ông Lại và chuyển nhượng lại cho ông bà Đ G đều là mép bậc thang thứ nhất, tuy nhiên không có bờ rào hay vật kiến trúc cố định làm ranh giới thửa đất. Bà cho rằng viết chuyển nhượng 72m thực tế để gia đình nhận chuyển nhượng được quyền sử dụng đất hành lang, tránh những tranh chấp có thể phát sinh trên thực tế từ phần đất này.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà X giữ nguyên quan điểm xác nhận chuyển nhượng toàn bộ diện tích đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Đặng Công Lại cho ông bà Đ G. Do thiếu hiểu biết quy định của pháp luật bên đã ghi chuyển nhượng 72m thực tế gồm cả phần đất hàng lang giao thông.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 20/2018/DS-ST ngày 26 tháng 11 năm 2018 của Tòa án N dân huyện M đã tuyên xử: Áp dụng Điều 265, 266, 267 Bộ luật dân sự, Điều 266 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 24, Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Văn N, buộc ông Lê Đăng Đ và bà Nguyễn Thị G trả lại cho ông Lê Văn N diện tích đất lấn chiếm là 91,6m^2 tại Tiểu khu Nà Sản, xã L, huyện M, tỉnh Sơn La có vị trí tứ cận tiếp giáp thể hiện trong sơ đồ kèm theo bản án.

Buộc bị đơn ông Lê Đăng Đ và bà Nguyễn Thị G phải tháo dỡ toàn bộ công trình xây dựng trên diện tích đất trên gồm một phần chuồng bò lợp mái

proximang, cột sắt vây lưới B40, nền chạt xi măng , để trả lại toàn b ộ diện tích đất 91,6m^2 cho ông N.

Không chấp nhận yêu cầu bồi thường thiệt hại đối với 20 cây cà phê, 01 cây xoài, 02 cây nhãn và 01 bụi chuối, trị giá 4.000.000 đồng của nguyên đơn.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo cho các Đ sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 06/12/2018 bị đơn ông Lê Đăng Đ, bà Nguyễn Thị G có đơn kháng cáo không nhất trí với toàn bộ bản án sơ thẩm với lý do: Khi ông bà Đ G mua đất của bà X, theo bìa mang tên ông Đặng Công Lại thì chỉ có 61,5m; nhưng trên thực tế chiều sâu của đất là 72m. Bà X đã viết giấy tờ viết tay, ghi rõ chiều dài của đất và bản thân ông N cũng là người ra cắm mốc giới, chỉ đất cho ông bà Đ G. Kể từ năm 2006 đến nay, gia đình ông bà Đ G ở ổn định, không tranh chấp và lấn chiếm đất của ông N. Do đó, ông bà Đ G đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, bác yêu cầu khởi kiện của ông N.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Ý kiến tranh luận của Bị đơn – ông bà Đ G: Giữ nguyên nội dung kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.

Ý kiến tranh luận của Nguyên đơn – ông N: Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông bà Đ G, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên như nội dung của bản án sơ thẩm, đồng thời xem xét, buộc ông bà Đ G phải bồi thường về các cây cối do ông Niệm đã trồng trên diện tích đất có tranh chấp.

Ý kiến tranh luận của Người có quyền, nghĩa vụ liên quan – bà X: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát N dân tỉnh Sơn La phát biểu quan điểm: Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Căn cứ vào Biên bản họp gia đình ngày 20/11/2013, gia đình ông N đã thỏa thuận, thống nhất giao toàn bộ di sản thừa kế là diện tích đất của ông Lê Văn Niệm, bà Hà Thị Ngân cho ông Lê Văn N được quản lý và sử dụng. Biên bản họp gia đình có chữ ký của các thành viên trong gia đình, Tiểu khu trưởng và UBND xã L. Tuy nhiên, các thành viên nêu trên đã đảm bảo đủ những người ở hàng thừa kế thứ nhất của ông Niệm và bà Ngân hay chưa thì cấp sơ thẩm chưa làm rõ. Do đó, Tòa án cấp phúc thẩm đã thực hiện ủy thác, yêu cầu Tòa án cấp sơ thẩm xác minh làm rõ. Sau khi thực hiện ủy thác, có đủ căn cứ xác định ông N được thừa kế hợp pháp đối với diện tích đất có tranh chấp, nên có quyền khởi kiện đối với diện tích đất này.

Về tư cách tham gia tố tụng của ông Đặng Công Lại: Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào hồ sơ cấp GCNQSDĐ mang tên ông Đặng Công Lại để làm cơ sở cho việc giải quyết vụ án. Tuy nhiên, ông Lại chỉ đứng tên trên giấy tờ, còn thực chất quyền quản lý và sử dụng đất (trước khi chuyển nhượng cho gia đình ông bà Đ G) là của bà X, các Đ sự đều thừa nhận nội dung này. Tòa án cấp sơ thẩm không đưa ông Đặng Công Lại vào tham gia tố tụng không làm ảnh hưởng đến quyền, nghĩa vụ của ông Lại; tuy nhiên cần nhận định rõ trong bản án để làm cơ sở cho việc giải quyết toàn diện và đúng đắn vụ án.

[2] Về nội dung kháng cáo:

Ông bà Đ G không nhất trí với bản án sơ thẩm vì cho rằng, việc căn cứ vào GCQNSDĐ của ông Đặng Công Lại là chưa chính xác, cần phải căn cứ vào thỏa thuận mua bán thực tế của các bên để xác định, phần diện tích đất sử dụng hợp pháp của gia đình ông bà Đ G với chiều sâu là 72m, phù hợp với diện tích đất mà hiện nay gia đình ông bà đang sử dụng.

Xét thấy, năm 2004 ông Đặng Công Lại được UBND huyện M lập hồ sơ cấp GCNQSDĐ mang tên ông Đặng Công Lại, trên cơ sở nhận chuyển nhượng của ông Lê Văn Niệm (bố của ông Lê Văn N), nhưng thực chất quyền quản lý và sử dụng diện tích đất này là của bà Nguyễn Thị X. Ngày 31/10/2006 bà X đã chuyển nhượng toàn bộ thửa đất mang tên ông Đặng Công Lại cho vợ chồng ông bà Đ G. Trong giấy tờ mua bán viết tay giữa bà X và vợ chồng ông bà Đ G có xác định diện tích đất chuyển nhượng theo GCNQSDĐ là 307,5m^2, chiều ngang theo mặt đường là 5m và chiều sâu là 61,5m; nhưng trên thực tế chiều sâu là 72m.

Do bà X khai có sự nhầm lẫn trong quá trình ghi diện tích thực tế là 72m, nên Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ vào Hồ sơ cấp GCNQSDĐ cho ông Đặng Công Lại để xác định, phần diện tích đất sử dụng hợp pháp của gia đình ông bà Đ G là 307,5m^2, với chiều ngang là 5m và chiều sâu là 61,5m; đối với diện tích đất còn lại hiện nay ông bà Đ G đang sử dụng, được xác định là phần đất lấn chiếm và tuyên buộc ông bà Đ G phải trả lại phần diện tích đất này cho ông N.

Xét Hồ sơ cấp GCNQSDĐ cho ông Đặng Công Lại, được thực hiện trên cơ sở thỏa thuận chuyển nhượng đất giữa ông Đặng Công Lại và ông Lê Văn Niệm vào năm 2004. Nhưng theo giấy chứng tử thì ông Niệm đã chết từ năm 2002, nên không thể xác lập hợp đồng chuyển nhượng đất với ông Lại vào năm 2004. Các chữ ký của ông Niệm có trong hồ sơ chuyển nhượng đất với ông Lại đều là giả mạo, nên hồ sơ và GCNQSDĐ không có giá trị về mặt pháp lý. Do đó, không thể căn cứ vào Hồ sơ cấp GCNQSDĐ mang tên ông Lại để xác định phần diện tích đất sử dụng hợp pháp của gia đình ông bà Đ G, mà cần dựa vào thỏa thuận chuyển nhượng đất trên thực tế giữa các bên để làm cơ sở cho việc xác định và giải quyết tranh chấp quyền sử dụng đất giữa hai gia đình.

Theo nội dung giấy tờ chuyển nhượng đất giữa bà X và vợ chồng ông bà Đ G vào ngày 31/10/2006, các bên có thỏa thuận:

"*Bà X có 1 mảnh đất mang tên ông Đặng Công Lại, số bìa đất AC 359753 cấp ngày 31/5/2005, với diện tích chiều mặt đường quốc lộ 6 là 5m dài, sâu vào tính theo bìa đất là 61m dài (thực tế theo đất là 72m).*

Phía đông hướng L giáp ông Niệm, phía Tây hướng Sơn La giáp đất bà Hằng, phía sau giáp đất ông Niệm.

Bà X chuyển nhượng đất ở, đất vườn và hoa màu trên đất và bìa trên cho gia đình ông bà Lê Đăng Đ có quyền sở hữu đất và bìa đất, chuyển bìa đất sang tên ông Đ kể từ ngày 31/10/2006."

Căn cứ vào nội dung thỏa thuận nêu trên, có cơ cở khẳng định trên thực tế bà X đã chuyển nhượng cho ông bà Đ G diện tích đất với chiều dài theo đường Quốc lộ 6 là 5m và chiều sâu là 72m. Đây cũng chính là diện tích mà bà X đã nhận chuyển nhượng từ ông Niệm trên thực tế. Tại thời điểm giải quyết vụ án, bà X cho rằng có sự nhầm lẫn trong quá trình soạn thảo văn bản nên mới ghi nhầm chiều sâu của đất là 72m. Tuy nhiên, khi các bên thực hiện giao dịch, có sự chứng kiến và ghi nhận của ông Đỗ Quang Vinh (chồng của bà X) và đại diện Tiểu khu Nà Sản là ông Trần Gia Chiến; ngoài ra, chính ông Lê Văn N còn là người đã cắm mốc giới, xác định diện tích cho các bên trên thực tế. Gia đình ông bà Đ G cũng đã sử dụng đất ổn định, không có tranh chấp với ai kể từ đó cho đến nay. Do đó, việc bà X khai ghi nhầm diện tích là không có cơ sở; cần phải căn cứ vào giấy tờ mua bán viết tay giữa các bên, xác nhận của những người chứng kiến sự việc và thực tế sử dụng diện tích đất hiện nay của ông bà Đ G để làm cơ sở cho việc giải quyết vụ án.

Căn cứ vào kết quả xem xét thẩm định ngày 17/10/2018 do Tòa án cấp sơ thẩm tiến hành, xác định thực tế hiện nay ông Đ, bà G đang sử dụng diện tích: 5m theo mặt đường Quốc Lộ 6 và 72m chiều sâu là hoàn toàn phù hợp với giấy tờ mua bán của các bên đã xác lập. Do đó, cần chấp nhận nội dung kháng cáo của ông bà Đ G; bác yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn ông Lê Văn N đối với yêu cầu đòi lại diện tích 110m^2 (5m chiều ngang và 11m chiều sâu).

Đối với yêu cầu của ông N, về việc yêu cầu ông bà Đ G phải bồi thường tài sản là cây cối do ông Niệm đã trồng với trị giá là 4.000.000 đồng. Xét thấy, mặc dù các cây cối được trồng tại thời điểm ông Niệm còn sống, khi ông Niệm chuyển nhượng đất cho bà X và bà X chuyển nhượng lại cho ông bà Đ G có ghi rõ trong thỏa thuận là: "chuyển nhượng đất ở, đất vườn và hoa màu trên đất". Do đó, các cây cối là tài sản trên đất đã được bà X chuyển nhượng hợp pháp cho ông bà Đ G, nên ông bà Đ G không phải bồi thường giá trị tài sản trên đất là 4.000.000 đồng cho ông N. Trường hợp ông N không nhất trí, thì có quyền khởi kiện bà X để yêu cầu bồi thường giá trị tài sản nêu trên.

Từ những phân tích, nhận định nêu trên; xét thấy, có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của ông Lê Đăng Đ, bà Nguyễn Thị G; cần Bản án dân sự sơ thẩm số 20/2018/DS-ST ngày 26/11/2018 của Tòa án N dân huyện M theo hướng, bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn N, giữ nguyên hiện trạng sử dụng đất với chiều rộng 5m và chiều sâu 72m của gia đình ông bà Đ, G.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[3] Về án phí*:*

Ông Lê Đăng Đ, bà Nguyễn Thị G không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Ông Lê Văn N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch và chi phí tố tụng do toàn bộ yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015; khoản 2 Điều 29 của Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH về định mức thu, miễn giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

**** Tuyên xử***: Chấp nhận kháng cáo của ông Lê Đăng Đ, bà Nguyễn Thị G; sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 20/2018/DS-ST ngày 26/11/2018 của Tòa án N dân huyện M như sau:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Văn N. Ông Lê Đăng Đ và bà Nguyễn Thị G được tiếp tục quản lý và sử dụng diện tích 91,6m^2 đất và toàn bộ tài sản trên đất tại Tiểu khu Nà Sản, xã L, huyện M, tỉnh Sơn La, tứ cạnh cụ thể như sau:

Phía bắc giáp đất hộ ông bà Đ G đang sử dụng, dài 10m;

Phía tây giáp đất hộ ông bà Thương Hà đang sử dụng, dài là 9,16m;

Phía nam giáp đất hộ ông Lê Văn N đang sử dụng, dài 10m;

Phía đông giáp đất hộ ông Lê Văn N đang sử dụng, dài 9,16m.

(Toàn bộ hình thể thửa đất có sơ đồ đo vẽ kèm theo Bản án).

2. Không chấp nhận yêu cầu của ông Lê Văn N đối với việc buộc ông Lê Đăng Đ, bà Nguyễn Thị G phải bồi thường thiệt hại đối với 20 cây cà phê, 01 cây xoài, 02 cây nhãn và 01 bụi chuối, trị giá 4.000.000 đồng.

3. Về án phí:

Ông Lê Đăng Đ, bà Nguyễn Thị G không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, được hoàn trả lại 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí đã nộp theo Biên lai thu số AA/2016/0001816 ngày 06/12/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Sơn La.

Ông Lê Văn N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*); được khấu trừ 400.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số AA/2010/004751 ngày 20 tháng 6 năm 2014, ông N còn phải nộp tiếp số tiền là 100.000 đồng (*Một trăm nghìn đồng*) tại Chi cục thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Sơn La.

Ông Lê Văn N phải chịu số tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 1.300.000 (*Một triệu ba trăm nghìn*) đồng (đã nộp đủ).

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự."

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án. (Ngày 19/04/2019).

Nơi nhận:
- Toà án N dân huyện M;
- VKSND tỉnh Sơn La;
- Chi cục THADS huyện M;
- Các Đ sự;
- Lưu: HS.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Phạm Tuấn Minh